

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá thuộc chỉ tiêu kế hoạch xuất bán năm 2026 (lần 2)

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 89/2015/TT-BTC ngày 11/6/2015; Thông tư số 92/2018/TT-BTC ngày 02/10/2018, Thông tư số 25/2025/TT-BTC ngày 12/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 89/2015/TT-BTC về hướng dẫn nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-CDT ngày 24/9/2026 của Cục trưởng Cục DTNN về việc phê duyệt kế hoạch bán đấu giá gạo dự trữ quốc gia thuộc chỉ tiêu kế hoạch xuất bán năm 2026 (lần 2).

Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực II thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đối với gạo dự trữ quốc gia (DTQG), cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:

- Tên người có tài sản đấu giá tài sản: Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực II.
- Địa chỉ: số 12 đường số 6, P. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng và địa điểm để tài sản đấu giá

- Tên tài sản: Gạo dự trữ quốc gia nhập kho đợt 1 năm 2025.
- Chung loại và chất lượng: Gạo hạt dài, loại 15% tấm, xuất xứ trong nước được xay xát từ thóc thu hoạch vụ Đông Xuân năm 2025 tại Nam Bộ. Gạo được bảo quản trong kho dự trữ từ tháng 4/2025 đến nay, gạo xuất kho đảm bảo chỉ tiêu chất lượng theo Thông tư số 78/2019/TT-BTC ngày 12/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với gạo dự trữ quốc gia.

- Số lượng gạo bán đấu giá, số lượng đơn vị tài sản bán đấu giá và địa điểm xuất kho: 5.005.700 kg, chia thành 15 đơn vị tài sản, tại 03 điểm kho dự trữ, bao gồm:

STT	Điểm kho dự trữ	Số lượng gạo (kg)	Số lượng đơn vị tài sản
1	ĐK3.KV2 (Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh)	695.700	02
2	ĐK4.KV2 (Xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh)	2.400.000	08
3	ĐK6.KV2 (xã La Ngà, thành phố Đồng Nai)	1.910.000	05
	TỔNG CỘNG	5.005.700	15

(Thông tin chi tiết về tài sản đấu giá theo Phụ lục 01 đính kèm)

3. Giá khởi điểm tạm tính của tài sản đấu giá: Bằng tổng giá khởi điểm của 36 đơn vị tài sản là:

$$5.005.700 \text{ kg} \times 8.900 \text{ đồng/kg} = \mathbf{44.550.730.000 \text{ đồng}}$$

(Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, năm trăm năm mươi triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng)

- Giá khởi điểm của từng đơn vị tài sản không có thuế GTGT, gạo có bao bì, giao trên phương tiện bên mua tại cửa kho dự trữ.

4. Tiêu chí lựa chọn

- Tiêu chí: Đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung theo Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản (Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).

- Hình thức lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

5. Thông tin tiếp nhận hồ sơ

- Báo giá và hồ sơ đăng ký tham gia: Tham khảo mẫu tại Phụ lục 03 đính kèm.

- Thời hạn: Đến 10g00 ngày 28/9/2026.

- Địa điểm: Chi cục DTNN khu vực II, địa chỉ: Số 12 đường số 6, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại (phòng QLHDT): 028. 35512585 – 35512586.

Trân trọng thông báo./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu: VT, QLHDT (02).
- 



CHI CỤC TRƯỞNG


Nguyễn Minh Trí



Phụ lục 01

THÔNG TIN ĐƠN VỊ TÀI SẢN ĐẦU GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 844/ĐTKV.QLH ngày 25/9/2026 của Chi cục DTNN khu vực II)

Đơn vị tài sản	Địa điểm kho để hàng	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)	Giá khởi điểm tài sản (đồng)
	Điểm kho dự trữ ĐK3.KV2	695.700		6.191.730.000
ĐVTS 01	Lô số 16, 20 - Ngăn kho K2, Kho dự trữ Dĩ An, Điểm kho dự trữ ĐK3.KV2	311.850	8.900	2.775.465.000
ĐVTS 02	Lô số 15, 19 - Ngăn kho K2, Kho dự trữ Dĩ An, Điểm kho dự trữ ĐK3.KV2	383.850	8.900	3.416.265.000
	Điểm kho dự trữ ĐK4.KV2	2.400.000		21.360.000.000
ĐVTS 03	Lô số 4 - Nhà kho K1, Kho dự trữ Bến Cát, Điểm kho dự trữ ĐK4.KV2	300.000	8.900	2.670.000.000
ĐVTS 04	Lô số 5 - Nhà kho K1, Kho dự trữ Bến Cát, Điểm kho dự trữ ĐK4.KV2	300.000	8.900	2.670.000.000
ĐVTS 05	Lô số 6 - Nhà kho K1, Kho dự trữ Bến Cát, Điểm kho dự trữ ĐK4.KV2	300.000	8.900	2.670.000.000
ĐVTS 06	Lô số 1 - Ngăn kho K2/3, Kho dự trữ Bến Cát, Điểm kho dự trữ ĐK4.KV2	300.000	8.900	2.670.000.000
ĐVTS 07	Lô số 2 - Ngăn kho K2/3, Kho dự trữ Bến Cát, Điểm kho dự trữ ĐK4.KV2	300.000	8.900	2.670.000.000
ĐVTS 08	Lô số 1 - Ngăn kho K3/2, Kho dự trữ Bến Cát, Điểm kho dự trữ ĐK4.KV2	300.000	8.900	2.670.000.000
ĐVTS 09	Lô số 2 - Ngăn kho K3/2, Kho dự trữ Bến Cát, Điểm kho dự trữ ĐK4.KV2	300.000	8.900	2.670.000.000
ĐVTS 10	Lô số 1 - Ngăn kho K3/3, Kho dự trữ Bến Cát, Điểm kho dự trữ ĐK4.KV2	300.000	8.900	2.670.000.000
	Điểm kho dự trữ ĐK6.KV2	1.910.000		16.999.000.000
ĐVTS 11	Lô số 1, 2 - Ngăn kho I1/1, Kho dự trữ Đồng Nai, Điểm kho dự trữ ĐK6.KV2	430.000	8.900	3.827.000.000
ĐVTS 12	Lô số 1, 4 - Ngăn kho I1/3, Kho dự trữ Đồng Nai, Điểm kho dự trữ ĐK6.KV2	430.000	8.900	3.827.000.000
ĐVTS 13	Lô số 4 - Ngăn kho I2/1, Kho dự trữ Đồng Nai, Điểm kho dự trữ ĐK6.KV2	215.000	8.900	1.913.500.000
ĐVTS 14	Lô số 3, 4 - Ngăn kho I2/2, Kho dự trữ Đồng Nai, Điểm kho dự trữ ĐK6.KV2	405.000	8.900	3.604.500.000
ĐVTS 15	Lô số 1, 2 - Ngăn kho I2/4, Kho dự trữ Đồng Nai, Điểm kho dự trữ ĐK6.KV2	430.000	8.900	3.827.000.000
15	TỔNG CỘNG	5.005.700		44.550.730.000

2

Phụ lục 02
TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Văn bản số 844/ĐTKV.II-QLH ngày 25/9/2026 của Chi cục DTNN khu vực II)

TT	NỘI DUNG
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố (còn hiệu lực)
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (đối với mặt hàng gạo)
1	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả
2	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

✓

TT	NỘI DUNG
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành): Trên 20 cuộc đấu giá
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề: Trên 10 cuộc
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề: Trên 10 cuộc
4.	Có ít nhất 01 cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực): Trên 05 năm
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Có từ 02 trở lên
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản): Từ 05 năm trở lên
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề: Có từ 01 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên
9.	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định
1.	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
2.	Trong 03 năm trước liền kề, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã tổ chức đấu giá thành ít nhất 01 hợp đồng dịch vụ đấu giá có tài sản cùng loại tài sản đưa ra đấu giá (<i>gạo</i>); Cung cấp văn bản hợp đồng; Biên bản thanh lý hợp đồng trong trường hợp nội dung của hợp đồng có quy định về việc hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng; Hóa đơn theo quy định.

TT	NỘI DUNG
3.	Có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
4.	Có cam kết bằng văn bản các nội dung: Có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế; Không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu
5.	Tổ chức bán đấu giá gạo dự trữ quốc gia theo hình thức trực tuyến, bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 66.21/2026/NQ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về việc ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai đấu giá tài sản trực tuyến theo quy định của luật đấu giá tài sản
6.	Thời gian tổ chức phiên đấu giá đối với toàn bộ đơn vị tài sản diễn ra trong 01 ngày

2

Phụ lục 03

MẪU BÁO GIÁ DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Văn bản số 844/DTKV-II-QLH ngày 25/9/2026 của Chi cục DTNN KV II)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

Kính gửi: Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực II

Tên đơn vị báo giá:

Đại diện là ông (bà): Chức vụ:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

Mã số thuế:

Sau khi nghiên cứu Văn bản số ngày của Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực II. Công ty chúng tôi đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản đối với gạo DTQG bằng hình thức đấu giá trực tuyến, theo nội dung như sau:

I. Giá dịch vụ đấu giá và chi phí đấu giá tài sản

1. Giá dịch vụ đấu giá tài sản

2. Chi phí đấu giá tài sản (bao gồm chi phí niêm yết, thông báo công khai, chi phí tổ chức đấu giá trực tuyến và chi phí thực tế hợp lý khác cho việc đấu giá tài sản)

3. Các trường hợp cụ thể

a. Trường hợp đấu giá thành toàn bộ các đơn vị tài sản

b. Trường hợp đấu giá thành một số đơn vị tài sản

c. Trường hợp đấu giá không thành

Lưu ý:

- Để có cơ sở lập dự toán và tổ chức lựa chọn nhà thầu, đề nghị Công ty/Trung tâm ... báo giá toàn bộ chi phí tối đa thực hiện dịch vụ đấu giá (bao gồm giá dịch vụ đấu giá, tỉ lệ phần trăm chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm/cuộc đấu giá tài sản và chi phí đấu giá).

- Mức giá dịch vụ đấu giá và chi phí đấu giá tài sản trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

- Giá dịch vụ đấu giá tài sản không vượt mức tối đa khung giá dịch vụ quy định tại Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá.

II. Hồ sơ chứng minh năng lực đáp ứng các tiêu chí lựa chọn gửi kèm theo.

Hồ sơ đăng ký tham gia có hiệu lực trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký./.

..., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Ký, chức danh, họ tên và đóng dấu)

